# core-ui

## Build core-ui

Tải thư mục về giải nén thì tại project coreui (có file package)

Mở cmd lên và chạy lệnh: npm install 🡺 lúc này xuất thư mục node\_module

Tạo thư mục dist: npm run build 🡺 lúc này thư mục dist sẽ xuất hiện

Dùng npm run để thấy hết tất cả các script

# boostrap

## Class

Tham khảo:

<https://getbootstrap.com/docs/4.2/utilities/borders/>

## Thuộc tính data-

Phải CHÚ Ý rằng mọi plugins của Bootstrap có thể áp dụng chỉ đơn thuần thông qua HTML, không cần viết thêm dù chỉ 1 dòng code JavaScript. Đây gọi là API thứ tự đầu tiên của Bootstrap (Bootstrap’s first-class API) và bạn phải xem đây là giải pháp trước nhất khi làm việc với plugins.

Ví dụ, chúng ta có thể kích hoạt 1 modal, không dùng code JavaScript, như sau, thiết lập thuộc tính data-toggle="modal" cho đối tượng kích hoạt như button hay liên kết <a></a>, data-target=#myModal là thiết lập modal có id là myModal sẽ được kích hoạt/hiển thị, data-backdrop=”static” là không đóng modal khi user clicks ra ngoài modal, và data-keyboard=”false”là không đóng modal khi user nhấn phím escape. 4 thuộc tính được bỏ trong 1 tag HTML kích hoạt duy nhất:

<button type="button" data-toggle="modal" data-target="#myModal" data-backdrop="static" data-keyboard="false">Launch my modal</button>

### Danh sách các thuộc tính data-

Link tham khảo:

<https://getbootstrap.com/docs/3.4/javascript/>

npm

## Modals – popup

### Truy nhập modal

Hãy thêm role="dialog" vào .modal, thuộc tính aria-labelledby="myModalLabel" dùng để tham chiếu đến phần tiêu đề của modal, và aria-hidden="true" để các công nghệ hỗ trợ bỏ qua các phần tử DOM của modal.

Thêm vào đó, bạn cũng có thể thêm phần mô tả cho modal của bạn thông qua thuộc tính aria-describedby trên .modal.

## Vùng chứa – Container

.container : cung cấp vùng chứa có độ rộng cố định

.container-fluid : cung cấp độ rộng toàn phần, tùy theo kích thước màn hình.

# Sass

## Link

**SASS**

<https://viblo.asia/p/hoc-sass-trong-15-phut-wjAM7y0LvmWe>

<https://thachpham.com/web-development/html-css/huong-dan-su-dung-sass-de-viet-css.html>

**GULP**

[**https://gulpjs.com/**](https://gulpjs.com/)

<https://github.com/PhuongNamCorpsIntern/workspace/issues/12>

<https://viblo.asia/p/gulp-va-nhung-khai-niem-co-ban-nhat-oOVlYyjnl8W>

**Phần mềm để chạy sass**: koala (tải về và chạy)

Sử dụng Output (Compresses) để nén file lại

## Quy tắc xếp chồng



Sass Kq

Cách lấy giá trị trước đó:





& tương ứng chính là thẻ li kq

## Sử dụng biến:

Lưu giá trị thường xuyên sử dụng lại

🡺 

## Quy tắc Mixin

🡺 

### Truyền tham số vào mixin:

🡺 

🡺 

## Extends

🡺 

Chỉ kế thừa không in ra:

🡺 

## Các mệnh đề điều kiện:



Tạo file scss:

- Tạo một file tên : \_typography.scss

File này sẽ không hiển thị trong thư mục. Dùng lệnh  để import file này vào file scss

## Framework cho sass

Bourbon (nên xem)

Bourbon NEAT : chia cột (nên xem)

bitters

Refils

## Thực hành: Dùng sass và koala

- Viết code trong sublime text

# GULP

[**https://gulpjs.com/**](https://gulpjs.com/)

<https://github.com/PhuongNamCorpsIntern/workspace/issues/12>

<https://viblo.asia/p/gulp-va-nhung-khai-niem-co-ban-nhat-oOVlYyjnl8W>

# Cài đặt phần mềm tiện dụng

Bootlink: Kiểm tra cấu trúc HTML

<https://github.com/twbs/bootlint>

# Jquery:

## Kiểm tra checkbox:

$("#check\_semrush\_project\_id").is(":checked") 🡺 kiểm tra có check hay không

## Input

$("#input ").prop('disabled', true); 🡺 bật disable cho thẻ input

$("#input ").prop('disabled',false); 🡺 tắt disable cho thẻ input